

Số: 01/QĐ-UDCN

Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán và chi ngân sách nhà nước
năm 2023

CỤC TRƯỞNG
CỤC ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1784/QĐ-BKHCN ngày 26/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2759/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-BKHCN ngày 14/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (đợt 3);

Căn cứ Quyết định số 1240/QĐ-BKHCN ngày 14/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 1261/QĐ-BKHCN ngày 15/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc giao Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (đợt 4);

Căn cứ Quyết định số 3294/QĐ-BKHCN ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch và Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán và chi ngân sách cả năm 2023 của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Kế hoạch và Tài chính, Chánh Văn phòng Cục, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Trần Thị Hồng Lan

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
Chương: 017

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ƯDCN ngày 01/01/2024 của Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Thiết kế, chế tạo và thử	Trung tâm Hỗ trợ chuyển giao công nghệ	Văn phòng đại diện Cục tại TP HCM
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước						
I	Nguồn ngân sách trong nước	371,30	371,30	215,30	50,00	85,00	21,00
1	Chi quản lý hành chính	236,30	236,30	215,30			21,00
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ						
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	236,30	236,30	215,30			21,00
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	135,00	135,00	0,00	50,00	85,00	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở						
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	135,00	135,00		50,00	85,00	
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ						
	Kinh phí tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương	135,00	135,00		50,00	85,00	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						

Amg

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
 CỤC ỨNG DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
 Chương: 017

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO
 VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023**

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-UDCN ngày 02/01/2024 của Cục trưởng Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ)

ĐV tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Thiết kế, chế tạo và thử	Trung tâm Hỗ trợ chuyển giao công nghệ	Văn phòng đại diện Cục tại TP HCM
1	2	3	4=5+6+7+8	5	6	7	8
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước						
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.367,30	13.367,30	6.684,30	4.285,00	1.988,00	410,00
1	Chi quản lý hành chính	5.008,30	5.008,30	4.598,30			410,00
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.772,00	4.772,00	4.383,00			389,00
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	236,30	236,30	215,30			21,00
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	7.579,00	7.579,00	2.086,00	3.505,00	1.988,00	0,00
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.593,00	3.593,00	1.936,00	1.307,00	350,00	0,00
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia						
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	2.893,00	2.893,00	1.936,00	957,00		
	Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về định mức kinh tế, kỹ thuật của một số hoạt động kết nối, chuyển giao và đổi mới công nghệ	286,00		286,00			
	Đánh giá hiện trạng hoạt động ứng dụng tiên bộ KH&CN địa phương	574,00		574,00			
	Nghiên cứu giải pháp quản lý, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên ứng dụng và phát triển các công nghệ được nhập khẩu, chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam	450,00		450,00			
	Nghiên cứu giải pháp quản lý, thúc đẩy hợp tác đồng đổi mới sáng tạo (Co-Innovation) cho doanh nghiệp Việt Nam	626,00		626,00			

Amay

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Thiết kế, chế tạo và thử	Trung tâm Hỗ trợ chuyên giao công nghệ	Văn phòng đại diện Cục tại TP HCM
	Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và thử nghiệm hệ thống sấy vải thiều sử dụng nhiệt gián tiếp từ nhiên liệu sinh khối	957,00			957,00		
	- <i>Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở</i>	700,00	700,00		350,00	350,00	
	Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và thử nghiệm thiết bị tạo bọt mịn micro - nano phục vụ nuôi trồng thủy sản	350,00			350,00		
	Phân tích, lựa chọn công nghệ có tiềm năng ứng dụng năm 2023	350,00				350,00	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	1.741,00	1.741,00		853,00	888,00	
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	1.606,00	1.606,00		803,00	803,00	
	<i>Kinh phí tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương</i>	135,00	135,00		50,00	85,00	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.245,00	2.245,00	150,00	1.345,00	750,00	0,00
2.3.1	Nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao	1.245,00	1.245,00	150,00	345,00	750,00	0,00
	<i>Thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ năm 2023</i>	150,00		150,00			
	<i>Tổng hợp, đánh giá kết quả hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương năm 2023</i>	345,00			345,00		
	<i>Kết nối công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam năm 2023</i>	750,00				750,00	
2.3.2	Nhiệm vụ Hỗ trợ công nghệ, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện Nghị định 80/2021/NĐ-CP	1.000,00	1.000,00		1.000,00		
	<i>Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV</i>	1.000,00	1.000,00		1.000,00		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	500,00	500,00		500,00		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Văn phòng Cục	Trung tâm Thiết kế, chế tạo và thử	Trung tâm Hỗ trợ chuyên giao công nghệ	Văn phòng đại diện Cục tại TP HCM
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	500,00			500,00		
	<i>Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	500,00	500,00		500,00		
4	Chi hoạt động kinh tế	280,00	280,00		280,00		
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	280,00	280,00		280,00		
	<i>Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	280,00			280,00		

Am

Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH CẢ NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 01/QĐ-ƯDCN ngày 02 tháng 01 năm 2024)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ công khai tình hình thực hiện dự toán thu - chi ngân sách năm 2023 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	13.367,30	13.105,91	98,04%	112,42%
I	Nguồn ngân sách trong nước	13.367,30	13.105,91	98,04%	112,42%
1	Chi quản lý hành chính	5008,30	4801,70	95,87%	110,38%
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4772,00	4531,2	94,95%	108,57%
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	236,3	270,5	114,47%	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	7.579,00	7.528,21	99,33%	129,00%
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	3.593,00	3.578,00	99,58%	115,79%
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	2.893,00	2.878,00	99,48%	142,12%
	<i>Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về định mức kinh tế, kỹ thuật của một số hoạt động kết nối, chuyển giao và đổi mới công nghệ</i>	286,00	286,00	100,00%	
	<i>Đánh giá hiện trạng hoạt động ứng dụng tiên bộ KH&CN địa phương</i>	574,00	559,00	97,39%	
	<i>Nghiên cứu giải pháp quản lý, hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp trong một số ngành, lĩnh vực ưu tiên ứng dụng và phát triển các công nghệ được nhập khẩu, chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam</i>	450,00	450,00	100,00%	
	<i>Nghiên cứu giải pháp quản lý, thúc đẩy hợp tác đồng đổi mới sáng tạo (Co-Innovation) cho doanh nghiệp Việt Nam</i>	626,00	626,00	100,00%	
	<i>Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo và thử nghiệm hệ thống sấy vải thiều sử dụng nhiệt gián tiếp từ nhiên liệu sinh khối</i>	957,00	957,00	100,00%	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	700,00	700,00	100,00%	100,00%
	<i>Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và thử nghiệm thiết bị tạo bọt mịn micro - nano phục vụ nuôi trồng thủy sản</i>	350,00	350,00	100,00%	

Am

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	<i>Phân tích, lựa chọn công nghệ có tiềm năng ứng dụng năm 2023</i>	350,00	350,00	100,00%	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.741,00	1.718,01	98,68%	98,68%
	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ</i>	1.606,00	1.606,00	100,00%	100,00%
	<i>Kinh phí tiết kiệm để thực hiện cải cách tiền lương</i>	135,00	112,01	82,97%	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.245,00	2.232,20	99,43%	
2.3.1	Nhiệm vụ được cơ quan có thẩm quyền giao	1.245,00	1.232,20	98,97%	
	<i>Thông tin phục vụ hoạt động ứng dụng, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo của Cục Ứng dụng và Phát triển công nghệ năm 2023</i>	150,00	148,30	98,87%	
	<i>Tổng hợp, đánh giá kết quả hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương năm 2023</i>	345,00	338,00	97,97%	
	<i>Kết nối công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam năm 2023</i>	750,00	745,90	99,45%	
2.3.2	Nhiệm vụ Hỗ trợ công nghệ, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện Nghị định 80/2021/NĐ-CP	1.000,00	1.000,00	100,00%	
	<i>Hỗ trợ công nghệ cho DNNVV</i>	1.000,00	1.000,00	100,00%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	500,00	496,00	99,20%	100,00%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	500,00	496,00	99,20%	
	<i>Hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	500,00	496,00	99,20%	
4	Chi hoạt động kinh tế	280	280	100,00%	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	280	280	100,00%	
	<i>Hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>	280	280	100,00%	

Am